

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 26 tháng 3 năm 2026

Số: 27/2026/QĐST - DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 9 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 180/2025/TLST - DS ngày 13 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1938; nơi cư trú: **Số B Ngõ D, Đ, Tổ dân phố D, H, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.**

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Phạm Thị T: Bà **Hoàng Thị Khánh V**, sinh năm 1998; nơi cư trú: **Tổ dân phố A N, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.**

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1979; nơi cư trú: **Tổ dân phố D H, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.**

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1958; nơi cư trú: **Tổ dân phố D H, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.**

Người đại diện theo uỷ quyền của ông **Nguyễn Văn T1:** Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1965; nơi cư trú: **Đường T, Tổ dân phố C H, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.**

+ Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1960; nơi cư trú: Tổ dân phố D H, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961; nơi cư trú: Số G L, Tổ dân phố F H, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

+ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1965; nơi cư trú: Đường T, Tổ dân phố C H, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

+ Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1968; nơi cư trú: Số B Ngõ D, Đ, Tổ dân phố D, H, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị H1: Bà Trần Thị Lệ T3, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số D, đường L, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

+ Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1971; nơi cư trú: Tổ dân phố D H, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

+ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1974; nơi cư trú: Tổ dân phố D H, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

+ Bà Nguyễn Thị Bích T4, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ dân phố D H, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Tài sản mà ông Nguyễn Văn T5 để lại là trong khối tài sản chung của bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T5 thừa đất số 283, tờ bản đồ số 17, có diện tích thực tế đo đạc là 186,6 m² (trong đó đất ở tại đô thị 150,0m² và đất trồng cây lâu năm 36,6m²) và tài sản gắn liền với đất là nhà ở riêng lẻ, có diện tích thực tế đo đạc 96,4m² (trong đó: Nhà ở 1 diện tích 40,90m² + nhà ở 2 diện tích 51,90m² + nhà vệ sinh 3,6m²) tại Tổ dân phố D H, phường Đ, tỉnh Quảng Trị đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q (nay là tỉnh Quảng Trị) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CL 807385, số vào sổ cấp GCN: CS02286 ngày 14/5/2018, mang tên ông Nguyễn Văn T5 - bà Phạm Thị T; tổng trị giá quyền sử dụng đất và ngôi nhà gắn liền với thửa đất là 1.017.315.600 đồng.

Bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Bích T4, bà Nguyễn Thị H1 tự nguyện tặng kỳ phần được hưởng thừa kế từ ông Nguyễn Văn T5 cho bà Phạm Thị T.

Bà Phạm Thị T được quyền sử dụng thửa đất 283, tờ bản đồ số 17, có diện tích thực tế đo đạc là 186,6 m² (trong đó đất ở tại đô thị 150,0m² và đất trồng cây lâu năm 36,6m²) và sở hữu tài sản gắn liền với đất là nhà ở riêng lẻ, có diện tích thực tế đo đạc 96,4m² (trong đó: Nhà ở 1 diện tích 40,90m² + nhà ở 2 diện tích

51,90m² + nhà vệ sinh 3,6m²) tại Tổ dân phố D H, phường Đ, tỉnh Quảng Trị đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q (nay là tỉnh Quảng Trị) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CL 807385, số vào sổ cấp GCN: CS02286 ngày 14/5/2018, mang tên ông Nguyễn Văn T5 - bà Phạm Thị T; tổng trị giá quyền sử dụng đất và ngôi nhà gắn liền với thửa đất là 1.017.315.600 đồng.

(Kèm theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 19/01/2026).

- Về chi phí tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị K thỏa thuận chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản số tiền 3.600.000 đồng. Bà Nguyễn Thị K có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Phạm Thị T số tiền chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản mà bà T đã nộp chi phí số tiền 3.600.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí vụ kiện: Bà Phạm Thị T là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp án phí. Do đó, Bà Phạm Thị T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1;
- Phòng THADS khu vực 1;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lan Phương